

Bản án số: 77/2024/HN-ST

Ngày: 19-6-2024

*“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn, nuôi
con chung, chia tài sản chung”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hết

2. Ông Nguyễn Chí Thành

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo

- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre
tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 136/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2024, về: *“Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 219/2024/QĐST-HN ngày 24 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Minh K, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Kim N, sinh năm 1992; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Anh K, chị N có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 15/3/2024; lời trình bày trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa của nguyên đơn anh Lê Minh K có nội dung:*

1. Anh xin ly hôn với chị Bùi Thị Kim N. Lý do xin ly hôn: Anh và chị N tìm hiểu quen biết và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2019 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Mỏ Cày Nam. Thời gian đầu, vợ chồng sống hạnh phúc. Nhưng khoảng 02 năm nay, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, quan điểm về việc nuôi con. Nay thấy

tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Cao Kim A, sinh ngày 01/12/2022. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị Bùi Thị Kim N cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh mong muốn được trực tiếp nuôi con: Anh không đồng ý cách chăm sóc và tạo thói quen cho con của chị N; không đồng ý cách giao tiếp và ngôn ngữ giao tiếp với con của chị N; anh đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con; con ở với anh sẽ có thuận lợi nhất định cho việc phát triển nhất là trong mối quan hệ gia đình; con là cháu đầu tiên của gia đình anh, cha mẹ của anh rất thương cháu và cam kết hỗ trợ anh chăm sóc con; trong thời gian chưa ly hôn, chị N tự ý mang con về bên cha mẹ ruột của chị sống, anh đến đón nhưng cha mẹ của chị N không đồng ý.

Đối với việc chị N xin trực tiếp nuôi con anh không đồng ý. Về mức cấp dưỡng mà chị N yêu cầu, anh không đồng ý. Nếu phải thực hiện cấp dưỡng thì khả năng anh chỉ cấp dưỡng khoảng 1.200.000 đồng/tháng, vì khi vợ chồng còn sống chung thì mỗi tháng chi phí lo cho con khoảng từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng. Hiện nay anh đang làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, mỗi tháng lương khoảng 15.000.000 đồng nhưng phải chi tiêu nhiều khoản như thuê nhà, chi phí sinh hoạt hàng ngày, phụ cấp cho cha, mẹ, các khoản chi tiêu khác và còn phải dành 01 khoản dự phòng và tích lũy cho con.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Khi làm đơn ly hôn, anh có trình bày trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng có số tiền mặt tích lũy là 700.000.000 đồng, hiện do chị Bùi Thị Kim N đang giữ và có yêu cầu chia đôi, anh và chị Bùi Thị Kim N mỗi người nhận 285.000.000 đồng (lúc đầu yêu cầu 350.000.000 đồng). Tại phiên toà, anh rút yêu cầu chia tài sản chung.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu.

*** Bị đơn chị Bùi Thị Kim N yêu cầu tại đơn tranh chấp nuôi con ngày 17/4/2024, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa:**

1. Chị đồng ý ly hôn với anh Lê Minh K.

2. Về con chung: Có 01 con chung tên Lê Cao Kim A, sinh ngày 01/12/2022. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con 18 tuổi. Do hiện nay con chưa được 36 tháng tuổi, lại là con gái, từ khi con sinh ra đến hiện nay do chị chăm sóc, chị trực tiếp nuôi con sẽ phù hợp và thuận lợi hơn cho việc phát triển tâm sinh lý của con; còn có sự hỗ trợ chăm sóc con từ cha mẹ và em trai của chị. Hiện nay chị có công việc và chỗ ở ổn định tại thành phố Hồ Chí Minh, lương bình quân khoảng 23.000.000 đồng/tháng, đảm bảo điều kiện chỗ ở và đủ khả năng nuôi con; Anh K nóng tính, lập trường không vững vàng, thường xuyên bị tác động từ xung quanh dẫn đến việc xảy ra to tiếng trong gia đình nên việc nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý và tính cách của con. Khi có ý muốn ly hôn, anh K đã thông báo với gia đình hai bên để con cho chị trực tiếp nuôi nhưng nay yêu cầu trực tiếp nuôi con là không xuất phát từ tình thương. Việc chị yêu cầu anh K cấp dưỡng nuôi con và đưa ra mức cấp dưỡng như trên là xuất phát từ thu nhập của anh K và chi phí nuôi con

hàng tháng (do chi dự tính sau khi ly hôn sẽ đưa con lên học tại thành phố Hồ Chí Minh, kèm thêm các khoản ăn uống, chích ngừa... tổng cộng 11.000.000 đồng/tháng). Hiện nay anh K thu nhập trung bình hơn 15.000.000 đồng/tháng và còn có thu nhập do làm thêm bên ngoài do anh K là kỹ sư xây dựng, đang làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có tài sản chung là 700.000.000 đồng như anh K trình bày, không đồng ý yêu cầu của anh K.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có, không yêu cầu.

*** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phát biểu cho rằng:**

1. Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

2. Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh K đối với chị N.

- Về con chung: Khi ly hôn, chị N được trực tiếp nuôi con là Lê Cao Kim A, sinh ngày 01/12/2022. Buộc anh K cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Anh K rút yêu cầu nên đình chỉ.

- Về nợ chung: Cả hai trình bày không có, không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự và nội dung giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của anh Lê Minh K, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung*”; Trong đó xác định anh Lê Minh K là nguyên đơn, chị Bùi Thị Kim N là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

1. Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Minh K, thấy rằng: Hôn nhân giữa anh K và chị N được xác lập trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/10/2019. Quá trình sống chung lúc đầu có hạnh phúc, nhưng thời gian sau này vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không khả năng hàn gắn, đoàn tụ được nên anh K xin ly hôn, chị N cũng đồng ý ly hôn.

Khi thực hiện xác minh chính quyền địa phương cung cấp thông tin: Hôn nhân giữa anh K và chị N có tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn. Các cuộc họp tổ tại địa phương không tiếp nhận đơn yêu cầu hoà

giải nên không rõ mâu thuẫn vợ chồng. Tại địa phương, anh K có kinh tế bình thường, sống cùng gia đình. Gia đình có chấp hành pháp luật tốt.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiên bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, tình trạng hôn nhân giữa anh K và chị N đã đến mức trầm trọng, phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Toà án đã tạo điều kiện cho anh chị hoà giải nhưng không hàn gắn, đoàn tụ được. Do đó khả năng đoàn tụ là không thể, nay cả hai đều đồng ý ly hôn nên cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh K và chị N theo quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

2. Về con chung: Có 01 con chung là Lê Cao Kim A, sinh ngày 01/12/2022. Khi ly hôn, cả anh Lê Minh K và chị Bùi Thị Kim N đều xin trực tiếp nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tạo điều kiện hòa giải để cho anh K và chị N tự nguyện thỏa thuận về việc người trực tiếp nuôi con khi ly hôn, nhằm mục đích hạn chế đến mức thấp nhất sự tổn thương cho con khi cha mẹ ly hôn nhưng cả hai đều vẫn giữ quan điểm xin nuôi con nên không thể hòa giải thỏa thuận được, phải đưa ra xét xử.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Thấy rằng, con hiện nay chưa được 36 tháng tuổi, con lại là con gái, đã sống chung với mẹ từ khi sinh ra đến nay. Ngoài ra, hiện nay chị N còn được sự hỗ trợ chăm sóc con từ gia đình bên chị. Con cũng đã ổn định cuộc sống bên mẹ và ông bà ngoại. Anh K không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị N là không đảm bảo. Những lời trình bày của anh K về lý do xin trực tiếp nuôi con theo anh thừa nhận đều là cảm nhận của riêng anh, xuất phát từ tình thương dành cho con và quan điểm về cách nuôi dạy con, không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh.

Xét về điều kiện kinh tế, hiện nay chị N có kinh tế ổn định, thu nhập từ lương của chị N là 38.193.067 đồng (Lương thực nhận tháng 4/2024 tại Công ty cổ phần Công nghệ và dịch vụ MoCa). Xét thấy, để con có điều kiện phát triển toàn diện về mọi mặt, đồng thời đảm bảo quy định của pháp luật đối với người trực tiếp nuôi con chưa đủ 36 tháng tuổi khi ly hôn. Hội đồng xét xử quyết định giao con cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng khi ly hôn là phù hợp.

Về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con mà chị N yêu cầu là 5.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Thấy rằng, chị N được trực tiếp nuôi con nên anh K phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Về hoàn cảnh của anh K, hiện nay anh K có công việc và thu nhập ổn định. Cụ thể, thu nhập từ lương tháng của anh K là 15.225.365 đồng (Lương thực nhận tháng 03/2024 tại Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng Đ). Tuy nhiên, về mức cấp dưỡng nuôi con mà chị N yêu cầu là cao, do hiện nay anh K đang làm thuê tại thành phố Hồ Chí Minh, quá trình sinh hoạt phát sinh nhiều chi phí như thuê nhà, ăn uống, sinh hoạt khác... xét về thu nhập của chị N

hiện nay cao hơn anh K, chị N trình bày đảm bảo để nuôi con. Chị N có liệt kê các chi phí nuôi con với số tiền là 11.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên, số tiền này chị N chỉ dự tính chi phí khi đưa con lên thành phố Hồ Chí Minh sinh sống và đi học, không có tài liệu, chứng cứ nào cụ thể để chứng minh. Xét toàn diện thu nhập của hai bên và nhu cầu của con chưa thành niên, Hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng 3.000.000 đồng/tháng là phù hợp, buộc anh K phải thực hiện cấp dưỡng cho con cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. *Xét về tài sản chung của vợ chồng*: Anh K cho rằng có tài sản chung và có yêu cầu chia tài sản chung khi làm đơn xin ly hôn. Tuy nhiên, tại phiên toà, anh K rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nên đình chỉ theo quy định tại Điều 217 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

4. *Về nợ chung của vợ chồng*: Anh K và chị N cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Các bên không còn yêu cầu nào khác nên không xem xét, giải quyết.

Án phí dân sự đối với yêu cầu ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con, anh K chịu theo quy định.

[3]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam phù hợp nhận định trên nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVWQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Lê Minh K.

- Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Lê Minh K.

- Chấp nhận 01 phần yêu cầu nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị Bùi Thị Kim N.

Cụ thể tuyên:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Minh K và chị Bùi Thị Kim N.

2. Về con chung: Khi ly hôn, chị Bùi Thị Kim N được trực tiếp nuôi con là Lê Cao Kim A, sinh ngày 01/12/2022. Buộc anh Lê Minh K cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 3.000.000 đồng/tháng (Ba triệu đồng), cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của anh Lê Minh K do rút yêu cầu.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Anh Lê Minh K và chị Bùi Thị Kim N cùng trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch: Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn) và đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (Ba trăm nghìn), anh Lê Minh K phải chịu nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 8.750.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005297 và 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005298, cùng ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Anh Lê Minh K được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 8.450.000 đồng (Tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ Cày Nam;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Luru (Hs, Vp).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng